

TÁC ĐỘNG CỦA MỨC TẬP TRUNG THỊ TRƯỜNG ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

● VƯƠNG ĐỨC HOÀNG QUÂN - LÂM THỊ ANH ĐÀO

TÓM TẮT:

Bài viết nghiên cứu tác động của mức tập trung thị trường đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng mẫu quan sát bao gồm 26 NHTM Việt Nam trong giai đoạn 2009 - 2022 và sử dụng phương pháp hồi quy System GMM. Để đo lường hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại Việt Nam, tác giả sử dụng chỉ số tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA) và tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE). Kết quả nghiên cứu cho thấy: mức độ tập trung thị trường dựa trên thị phần tiền gửi và thị phần cho vay và chất lượng thể chế tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động của các NHTM Việt Nam. Tuy nhiên, mức độ tập trung thị trường dựa trên thị phần tổng tài sản lại tác động tiêu cực đến hiệu quả hoạt động của các NHTM Việt Nam.

Từ khóa: mức tập trung thị trường, hiệu quả hoạt động, ngân hàng thương mại.

1. Đặt vấn đề

Hệ thống ngân hàng Việt Nam hiện nay đã phát triển đáng kể so với thời điểm mới chuyển đổi từ hệ thống ngân hàng một cấp sang hai cấp năm 1990. Từ hệ thống ngân hàng gồm có Ngân hàng Nhà nước và 4 ngân hàng thương mại (NHTM) Nhà nước chi phối gần như toàn bộ thị trường cho vay và thị trường tiền gửi, đến nay, hệ thống ngân hàng đã có hơn 30 NHTM trên cả nước. Mặc dù có sự gia tăng số ngân hàng trong hệ thống, nhưng một số NHTM nhà nước vẫn còn khả năng chi phối mạnh trong hệ thống ngân hàng. Hiện nay có 4 NHTM nhà nước, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietinbank, Vietcombank, chiếm khoảng 54,99% tổng tài sản, 61,83% tổng tiền gửi và 56,80% tổng cho vay trong toàn hệ thống ngân hàng Việt Nam trong năm

2022. Hệ thống ngân hàng Việt Nam thay đổi cấu trúc hoạt động theo từng giai đoạn của nền kinh tế, đặc biệt là cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008. Quá trình tái cấu trúc ngân hàng trong thời gian qua thể hiện ở mức độ tập trung thị phần theo tài sản, tiền gửi và cho vay. Điều này dẫn đến những lo ngại về khả năng chi phối thị trường của một số ngân hàng lớn trong hệ thống sau khi tái cấu trúc. Vì vậy, các biện pháp kiểm soát cấu trúc thị trường ngân hàng thông qua mức tập trung thị trường cần được quan tâm. Thực trạng trên đặt ra vấn đề đối với hệ thống ngân hàng hiện nay, đó là mức độ tập trung thị phần tài sản, cho vay và tiền gửi vào một số ngân hàng lớn trong hệ thống ảnh hưởng thế nào đến hiệu quả hoạt động chung của các NHTM Việt Nam.

2. Khung lý thuyết và tổng quan các nghiên cứu trước

2.1. Khung lý thuyết

2.1.1. Khái niệm mức tập trung thị trường

Dựa trên cấu trúc - hành vi - hiệu quả, Berger và Hannab (1989) cho rằng, các ngân hàng trong những thị trường cao hơn sẽ sử dụng sức mạnh thị trường lớn hơn trong việc định giá. Mức tập trung thị trường cao hơn sẽ dẫn đến lãi suất tiền gửi thấp hơn và lãi suất tiền vay cao hơn. Mức tập trung thị trường được đo lường thông qua các chỉ số tập trung. Phương pháp phổ biến nhất để đo lường mức tập trung là dựa vào tỷ trọng và cấu trúc được phát triển bởi Marfiels (1971) và Dickson (1981). Phương pháp này đo lường mức độ tập trung thị trường của các ngân hàng thông qua chỉ số CR (Concentration Ratio). Chỉ số CR được tính toán bằng công thức sau:

$$CR_k = \sum_{i=1}^k S_i$$

Trong đó, CR_k : Chỉ số tập trung thị trường thứ k; S_i : Thị phần ngân hàng thứ i; k: Số lượng ngân hàng trong nhóm. Chỉ số CR_k nằm trong khoảng 0 và 1. Chỉ số CR_k tiến về 0 khi số lượng ít các ngân hàng nhỏ hiện diện trong thị trường và tiến về 1 khi có một ngân hàng thu hút toàn bộ ngành. Chỉ số này càng cao thể hiện mức độ tập trung thị trường càng lớn và quyền lực thị trường sẽ tập trung vào nhóm ngân hàng này. Thông thường chỉ số CR này được áp dụng cho 3 ngân hàng trở lên và dựa trên quy mô tổng tài sản, hoặc tổng cho vay, hoặc tổng tiền gửi lớn nhất tùy thuộc vào quy mô thị trường.

2.1.2. Vai trò của mức tập trung thị trường đối với hoạt động của ngân hàng

Maudos và các cộng sự (2002) cho rằng mức tập trung thị trường cao hơn thì sức mạnh thị trường lớn hơn và vì vậy, lợi ích lớn hơn. Theo đó, các ngân hàng hoạt động trong thị trường càng tập trung sẽ càng ít bị sức ép đối với việc kiểm soát chi phí. Theo Goddard và các cộng sự (2007), sự tập trung thị trường cao giúp giảm chi phí thỏa hiệp, kết quả là ngân hàng đưa ra lãi suất cho vay và phí cao hơn, nhưng trả lãi suất thấp hơn đối với tiền gửi, vì vậy, hiệu quả hoạt động ngân hàng cao hơn. Theo đó, sự tập trung thị trường có tác động đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng và chiều của các tác động phụ thuộc vào hành vi của

ngân hàng đối với sự tập trung thị trường. Sự tập trung thị trường cao hay thấp có tác động khác chiều đối với hiệu quả hoạt động của ngân hàng. Mức độ tập trung thị trường càng cao thì sức mạnh thị trường càng lớn. Các ngân hàng sử dụng sức mạnh này để dẫn dắt thị trường, hạn chế được cạnh tranh không lành mạnh. Điều này không những tác động tích cực đối với hiệu quả hoạt động của các ngân hàng mà còn giúp ổn định hệ thống ngân hàng. Tuy nhiên, mức độ tập trung thị trường càng cao, áp lực của việc kiểm soát chi phí đối với ngân hàng càng thấp. Bên cạnh đó, sự bất lợi sẽ xảy ra nếu ngân hàng sử dụng quyền lực thị trường để tăng lãi suất cho vay nhằm tối ưu hóa lợi nhuận. Kết quả, những người sẵn sàng vay lãi suất cao là những khách hàng có rủi ro cao do ảnh hưởng của thông tin bất cân xứng, từ đó khiến xác suất người vay không trả được nợ cao hơn. Điều này xảy ra không những tác động tiêu cực đối với hiệu quả hoạt động của các ngân hàng mà còn gây sự bất ổn đối với hệ thống ngân hàng, cũng như giảm hiệu quả phân bổ nguồn lực xã hội.

2.2. Tổng quan các nghiên cứu trước

Dựa trên cách tiếp cận cấu trúc thị trường của Marfiels (1971) và Dickson (1981), Bikker và Haaf (2002) đã sử dụng chỉ số mức tập trung của thị trường CR_k và HHI (Herfindahl Hirschman để đo mức tập trung thị trường trong lĩnh vực ngân hàng. Kết quả nghiên cứu này chỉ ra rằng: mức tập trung thị trường làm giảm khả năng cạnh tranh của các ngân hàng).

Silalahi và cộng sự (2015) nghiên cứu về tác động của mức tập trung thị trường đến hiệu quả hoạt động của 98 ngân hàng ở Indonesia trong thời gian 2005-2014 bằng phương pháp FEM (Fixed Effects Model) và REM (Random Effects Model). Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra: mức tập trung thị trường (CR_4) có tác động tích cực hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại. Theo đó, mức tập trung thị trường làm tăng tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA), tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) và biên thu nhập lãi thuần (NIM).

Kristína (2016) nghiên cứu về mối quan hệ giữa mức độ tập trung thị trường và hiệu quả hoạt động của các ngân hàng ở Mỹ trong thời gian từ năm 1966-2013 bằng phương pháp FEM và REM. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng: có mối quan hệ đồng

biến giữa mức độ tập trung thị trường và giữa thị phần thị trường với hiệu quả hoạt động của các ngân hàng ở Mỹ. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng khẳng định: mức tập trung cao vào thị phần tiền gửi sẽ có tác động mạnh đến hiệu quả hoạt động ngân hàng.

Nghiên cứu của Oyebola và Zayyad (2020) về cấu trúc thị trường ở 79 ngân hàng của 24 quốc gia châu Phi trong thời gian từ năm 2000 đến 2016 bằng phương pháp FEM và System GMM. Kết quả nghiên cứu chỉ ra, mức độ tập trung và chất lượng thể chế làm giảm tỷ lệ vốn ngân hàng ở 24 quốc gia châu phi - các nước đang phát triển có hệ thống tài chính dựa vào ngân hàng.

Lartey và các cộng sự (2023) nghiên cứu về tác động của mức độ tập trung thị trường và hiệu quả hoạt động của 109 ngân hàng tại Anh trong giai đoạn từ năm 2010 đến 2020 bằng phương pháp System GMM. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra: mức tập trung thị trường (CR5) và HHI có tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại (tăng ROA, ROE, và NIM). Hơn nữa, nghiên cứu này cũng khẳng định rằng, mức tập trung thị trường ngân hàng làm suy yếu sự cạnh tranh và dẫn đến sự kém hiệu quả của thị trường. Những tác động này rất quan trọng đối với ngành ngân hàng và thị trường liên ngân hàng tại Anh, thực trạng đang diễn ra sự thay đổi lớn chưa từng có trong lịch sử ngân hàng tại Anh theo hướng cơ cấu thị trường tập trung và hợp nhất cao.

3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 26 NHTM Việt Nam trong giai đoạn 2009 đến 2022, từ dữ liệu thống kê của Quỹ Tiền tệ quốc tế IMF (International Monetary Fund) và Ngân hàng Thế giới (World Bank).

3.2. Mô hình nghiên cứu

Để đánh giá tác động của mức tập trung thị trường đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu sau đây. Mô hình nghiên cứu này kế thừa từ các nghiên cứu của Lartey và các cộng sự (2023), Oyebola và Zayyad (2020), Kristína (2016), Silalahi và cộng sự (2015), Bikker và Haaf (2002).

$$BP_{it} = \alpha + \beta_1 CR4_Assets_{it} + \beta_2 CR4_Loans_{it} + \beta_3 CR4_Deposits_{it} + \beta_4 NPL_{it} + \beta_5 LLP_{it} + \beta_6 CIR_{it} + \beta_7 LoansGrowth_{it} + \beta_8 Regulatory_{it} + \beta_9 Size_{it} + \beta_{10} GDP_{it} + \mu_{it}$$

Trong đó:

- Chỉ số i đại diện cho từng ngân hàng thương mại, chỉ số t đại diện cho thời gian (năm) quan sát.

- β_j : là các hệ số hồi quy riêng phần ($j = 1, \dots, 10$).

- μ_{it} : là sai số có phân phối chuẩn biến thiên theo i và t

- α : là số hạng tung độ gốc.

- *Biến phụ thuộc*: BP - Biến đại diện cho hiệu quả hoạt động của NHTM. Tác giả sử dụng 2 chỉ số ROA và ROE để đo lường BP.

ROA và ROE được tính toán bằng công thức sau:

$$ROA = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản}} * 100\%$$

$$ROE = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} * 100\%$$

- *Biến độc lập*:

- CR4_Assets, CR4_Loan, CR4_Deposits: Biến đại cho mức tập trung thị trường dựa trên phương diện tổng tài sản, thị phần cho vay, thị phần tiền gửi và đại diện cho thị phần tài sản, cho vay, tiền gửi của 4 NHTM hàng đầu trong ngành ngân hàng.

- NPL: Tỷ lệ nợ xấu (Non-Performing Loan ratio).

- LLP: Tỷ lệ dự phòng khoản cho vay (Loan Loss Provisions Ratio).

- CIR: Chi phí trên thu nhập (Cost to Income Ratio)

- LoansGrowth: Tốc độ tăng trưởng cho vay

- Regulatory: Biến đại diện chất lượng thể chế (Regulatory quality). Biến này chỉ ra việc nhận thức về khả năng của Chính phủ trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách và quy định hợp lý cho phép và thúc đẩy phát triển khu vực tư nhân.

- *Biến kiểm soát*:

- Size: Biến đại diện quy mô của ngân hàng (Bank size) và được tính bằng Log của Tổng tài sản.

- GDP: Biến đại diện cho tăng trưởng kinh tế (GDP Growth).

3.3. Phương pháp nghiên cứu

Để khắc phục hiện tượng nội sinh, phương sai sai số thay đổi và vấn đề bỏ sót biến trong mô hình

nghiên cứu, Arellano và Bond (1991) đã đề nghị giải pháp dùng phương pháp GMM (Generalized Method of Moments) sai phân để loại bỏ sự tương quan tiềm ẩn giữa sai số và các biến độc lập và từ đó giải quyết vấn đề nội sinh tiềm ẩn. Tuy nhiên, Blundell và Bond (1998) cho rằng, khi biến phụ thuộc có mối tương quan cao giữa giá trị hiện tại và giá trị ở thời kỳ trước đó và số thời kỳ không quá dài thì phương pháp GMM sai phân của Arellano và Bond (1991) đã đề xuất không hiệu quả, các biến công cụ sử dụng được đánh giá là không đủ mạnh. Do đó, Blundell và Bond (1998) đã mở rộng phương pháp GMM sai phân của Arellano và Bond (1991) với việc xem xét đồng thời hệ thống 2 phương trình, bao gồm GMM cơ bản và GMM sai phân, gọi chung là phương pháp GMM hệ thống (System GMM). Vì vậy, trong bài nghiên cứu này, tác giả sử dụng phương pháp System GMM để đánh giá tác động của mức tập trung thị trường đến hiệu quả hoạt động của các NHTM Việt Nam.

4. Kết quả và thảo luận nghiên cứu

Bảng 1 mô tả giá trị của các biến trong mô hình nghiên cứu, gồm: số lượng quan sát (Observation), giá trị trung bình (Mean), độ lệch chuẩn (Standard Deviation), giá trị nhỏ nhất (Min) và giá trị lớn nhất

(Max) và hệ số dao động dữ liệu (Coefficient of Variation, $CV = \text{Standard Deviation}/\text{Mean}$). Theo đó, số lượng quan sát trong nghiên cứu là 364 (từ năm 2009 đến 2022). Trong Bảng 1 cho thấy, giá trị CV của hầu hết các biến độc lập đều nhỏ hơn 1 (ngoại trừ biến Loans Growth), điều này cho thấy dữ liệu của các biến này dao động trung bình yếu. Ngoài ra, giá trị CV của 2 biến phụ thuộc (ROA, ROE) đều nhỏ hơn 1, điều này cho thấy, dữ liệu của 2 biến này dao động trung bình yếu.

Kết quả hồi quy System GMM trong Bảng 2 cho thấy:

- Kiểm định Arellano-Bond cho AR(2) chỉ ra không tồn tại hiện tượng tự tương quan bậc 2 trong sai phân bậc nhất.

- Kiểm định Hansen chỉ ra các biến công cụ là phù hợp và không tồn tại mối tương quan giữa các biến công cụ và sai số.

- Biến NPL tác động cùng chiều với biến ROA. Cụ thể, hệ số của biến NPL bằng 0,0613574 với mức ý nghĩa thống kê là 5%. Dựa vào kết quả này, tác giả có thể kết luận: Tỷ lệ nợ xấu có tác động tích cực đến ROA.

- Biến CIR tác động nghịch chiều với biến ROA. Cụ thể, hệ số của biến CIR bằng -0,059179 với mức

Bảng 1. Thống kê mô tả các biến nghiên cứu trong mô hình

Variable	Observation	Mean	Standard Deviation	Min	Max	Coefficient of Variation
ROA	364	1.13	0.93	-5.51	4.69	0.82
ROE	364	12.64	10.00	-82.00	50.13	0.79
NIM	364	7.71	4.47	-0.75	30.02	0.58
CR4_Assets	364	0.56	0.02	0.52	0.59	0.04
CR4_Loans	364	0.62	0.03	0.57	0.65	0.05
CR4_Deposits	364	0.59	0.01	0.57	0.62	0.02
NPL	364	1.94	1.26	-1.38	8.81	0.65
LLP	364	1.35	0.59	-1.06	4.37	0.43
CIR	364	82.18	12.25	36.07	153.48	0.15
LoansGrowth	364	0.26	0.60	-0.30	10.59	2.31
Regulatory	364	22.54	3.53	18.27	30.95	0.16
Size	364	18.65	1.25	15.83	21.47	0.07
GDP	364	6.04	1.55	2.56	8.02	0.26

Nguồn: Nhóm tác giả tính toán bằng phần mềm Stata và Microsoft Excel

Bảng 2. Kết quả hồi quy với phương pháp System GMM với phụ thuộc ROA

Biến phụ thuộc: ROA		
Tên biến	Ý nghĩa biến	Hệ số System GMM
NPL	Tỷ lệ nợ xấu	0.0613574**
LLP	Tỷ lệ dự phòng khoản cho vay	0.0763947
CIR	Chi phí trên thu nhập	-0.059179***
LoansGrowth	Tốc độ tăng trưởng cho vay	-0.261314
Regulatory	Chất lượng thể chế	0.0180234***
GDP	Tăng trưởng kinh tế	0.0231059***
CR4_Assets	Mức độ tập trung thị trường dựa trên thị phần tổng tài sản	-2.7927***
CR4_Deposits	Mức độ tập trung thị trường dựa trên thị phần tiền gửi	1.544471
CR4_Loans	Mức độ tập trung thị trường dựa trên thị phần cho vay	3.929965***
Size	Quy mô ngân hàng	0.0378714
Số quan sát: 337		
Kiểm định Arellano-Bond cho AR (2) : P-value = 0.258		
Kiểm định Hansen: P-value = 1.000		
***, **, *: Tương ứng với mức ý nghĩa 1%, 5%, 10%		

Nguồn: Nhóm tác giả tính toán bằng phần mềm Stata

ý nghĩa thống kê là 1%. Dựa vào kết quả này, tác giả có thể kết luận: Chi phí trên thu nhập có tác động tiêu cực đến ROA.

- Biến Regulatory tác động cùng chiều với biến ROA. Cụ thể, hệ số của biến Regulatory bằng 0.0180234 với mức ý nghĩa thống kê là 1%. Dựa vào kết quả này, tác giả có thể kết luận rằng: Chất lượng thể chế có tác động tích cực đến ROA.

- Biến GDP tác động cùng chiều với biến ROA. Cụ thể, hệ số của biến GDP bằng 0.0231059 với mức ý nghĩa thống kê là 1%. Dựa vào kết quả này, tác giả có thể kết luận rằng: Tăng trưởng kinh tế có tác động tích cực đến ROA.

- Biến CR4 Assets tác động nghịch chiều với biến ROA. Cụ thể, hệ số của biến CIR bằng -2.7927 với mức ý nghĩa thống kê là 1%. Dựa vào kết quả này, tác giả có thể kết luận:

Mức độ tập trung thị trường dựa trên thị phần tổng tài sản có tác động tiêu cực đến ROA.

- Biến CR4_Loans tác động cùng chiều với biến ROA. Cụ thể, hệ số của biến CR4_Loans bằng 0.0231059 với mức ý nghĩa thống kê là 1%. Dựa vào kết quả này, tác giả có thể kết luận: Mức độ tập

trung thị trường dựa trên thị phần cho vay có tác động tích cực đến ROA.

Kết quả hồi quy System GMM trong Bảng 3 cho thấy:

- Kiểm định Arellano-Bond cho AR (2) chỉ ra không tồn tại hiện tượng tự tương quan bậc 2 trong sai phân bậc nhất.

- Kiểm định Hansen chỉ ra các biến công cụ là phù hợp và không tồn tại mối tương quan giữa các biến công cụ và sai số.

- Biến LLP tác động nghịch chiều với biến ROE. Cụ thể, hệ số của biến LLP bằng -4,719088 với mức ý nghĩa thống kê là 1%. Dựa vào kết quả này, tác giả có thể kết luận rằng: Tỷ lệ dự phòng khoản cho vay có tác động tiêu cực đến ROE.

- Biến CIR tác động nghịch chiều với biến ROE. Cụ thể, hệ số của biến CIR bằng -0,5895812 với mức ý nghĩa thống kê là 1%. Dựa vào kết quả này, tác giả có thể kết luận rằng: Chi phí trên thu nhập có tác động tiêu cực đến ROE.

- Biến Loans Growth tác động nghịch chiều với biến ROE. Cụ thể, hệ số của biến Loans Growth bằng -10,42999 với mức ý nghĩa thống kê

Bảng 3. Kết quả hồi quy với phương pháp System GMM với phụ thuộc ROE

Biến phụ thuộc: ROE		
Tên biến	Ý nghĩa biến	Hệ số System GMM
NPL	Tỷ lệ nợ xấu	0.9143293
LLP	Tỷ lệ dự phòng khoản cho vay	-4.719088***
CIR	Chi phí trên thu nhập	-0.5895812***
LoansGrowth	Tốc độ tăng trưởng cho vay	-10.42999***
Regulatory	Chất lượng thể chế	0.0910063*
GDP	Tăng trưởng kinh tế	0.1075601
CR4_Assets	Mức độ tập trung thị trường dựa trên thị phần tổng tài sản	-34.09844
CR4_Deposits	Mức độ tập trung thị trường dựa trên thị phần tiền gửi	49.48846***
CR4_Loans	Mức độ tập trung thị trường dựa trên thị phần cho vay	87.63798***
Size	Quy mô ngân hàng	3.412212***
Số quan sát: 337		
Kiểm định Arellano-Bond cho AR (2) : P-value = 0.884		
Kiểm định Hansen: P-value = 1.000		
***, **, *: Tương ứng với mức ý nghĩa 1%, 5%, 10%		

Nguồn: Nhóm tác giả tính toán bằng phần mềm Stata

là 1%. Dựa vào kết quả này, tác giả có thể kết luận: Tốc độ tăng trưởng cho vay có tác động tiêu cực đến ROE.

- Biến Regulatory tác động cùng chiều với biến ROE. Cụ thể, hệ số của biến Regulatory bằng 0,0910063 với mức ý nghĩa thống kê là 1%. Dựa vào kết quả này, tác giả có thể kết luận: Chất lượng thể chế có tác động tích cực đến ROE.

- Biến CR4_Deposits tác động cùng chiều với biến ROE. Cụ thể, hệ số của biến CR4_Deposits bằng 49,48846 với mức ý nghĩa thống kê là 1%. Dựa vào kết quả này, tác giả có thể kết luận: Mức độ tập trung thị trường dựa trên thị phần tiền gửi có tác động tích cực đến ROA.

- Biến CR4_Loans tác động cùng chiều với biến ROE. Cụ thể, hệ số của biến CR4_Loans bằng 87,63798 với mức ý nghĩa thống kê là 1%. Dựa vào kết quả này, tác giả có thể kết luận: Mức độ tập trung thị trường dựa trên thị phần cho vay có tác động tích cực đến ROE.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

5.1. Kết luận

Tác giả đã cung cấp bằng chứng tin cậy để kiểm

chứng tác động của mức tập trung thị trường đến hiệu quả hoạt động của 26 NHTM trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến 2022 bằng phương pháp System GMM.

- Xét trên biến phụ thuộc ROA (đại diện cho hiệu quả hoạt động của các NHTM Việt Nam):

+ Tỷ lệ nợ xấu, Chất lượng thể chế, Tăng trưởng kinh tế và Mức độ tập trung thị trường dựa trên thị phần cho vay đều mang dấu dương (+), có ý nghĩa thống kê ở mức 5% và 1%.

+ Chi phí trên thu nhập, Mức độ tập trung thị trường dựa trên thị phần tổng tài sản đều mang dấu âm (-), có ý nghĩa thống kê ở mức 1%.

- Xét trên biến phụ thuộc ROE (đại diện cho hiệu quả hoạt động của các NHTM Việt Nam):

+ Chất lượng thể chế, Mức độ tập trung thị trường dựa trên thị phần tiền gửi, Mức độ tập trung thị trường dựa trên thị phần cho vay, Quy mô ngân hàng đều mang dấu dương (+), có ý nghĩa thống kê ở mức 10% và 1%.

+ Tăng trưởng kinh tế, Chi phí trên thu nhập, Tốc độ tăng trưởng cho vay đều mang dấu âm (-), có ý nghĩa thống kê ở mức 1%.

5.2. Hàm ý chính sách

5.2.1. Hàm ý chính sách đối với ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Cần cập nhật thường xuyên các quy định về hành lang pháp lý và nâng cao chất lượng thể chế liên quan đến lĩnh vực tái cấu trúc ngân hàng, giúp ngành ngân hàng phát triển lành mạnh, bền vững.

- Cần có cơ chế kiểm soát tốt mức tập trung tài sản tại 4 NHTM nhà nước, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietinbank, Vietcombank, vì 4 ngân hàng này đang chiếm khoảng 54.99% tổng tài sản của toàn ngành ngân hàng. Do mức độ tập trung thị phần tài sản quá cao tạo nên sự cạnh tranh thiếu lành mạnh nếu ngân hàng này sử dụng quyền lực thị trường để tăng lãi suất cho vay nhằm tối ưu hóa lợi nhuận cho mình. Điều này xảy ra không những tác động tiêu cực đối với hiệu quả hoạt động của

các ngân hàng nhỏ hơn mà còn gây sự bất ổn đối với hệ thống ngân hàng cũng như giảm hiệu quả phân bổ nguồn lực xã hội.

5.2.2. Hàm ý chính sách đối với ngân hàng thương mại Việt Nam

- Cần tập trung thị phần tiền gửi và thị phần cho vay cao để tạo nên sức mạnh thị trường cho huy động vốn và cho vay lớn hơn, sẽ giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng.

- Cần kiểm soát tốt tỷ lệ chi phí trên thu nhập và tỷ lệ dự phòng khoản cho vay tốt để có thể nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng, vì khi chi phí quá cao sẽ làm giảm lợi nhuận của ngân hàng.

- Cần gia tăng tài sản ngân hàng hợp lý để có thể nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng.

- Cần tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, thể chế của ngân hàng nhà nước trong các hoạt động kinh doanh hàng ngày của ngân hàng ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Arellano M. & Bond S. (1991). Some Tests of Specification for Panel Data: Monte Carlo Evidence and an Application to Employment Equations. *The Review of Economic Studies*, 58(2), 277-297.
2. Bikker J. A. & Haaf K. (2002). Measures of Competition and Concentration in the Banking Industry: a review of the literature. *Economic & Financial Modelling*.
3. Blundell R. and Bond S. (1998). Initial conditions and moment restrictions in dynamic panel data models. *Journal of Econometrics*, 87(1), 115-143.
4. Berger A.N. & Hannan T.H. (1989). The price-concentration relationship in banking. *The review of Economics and Statistics*, 291-299, Summer 2002.
5. Dickson, V. A. (1981). Conjectural variation elasticities and concentration. *Economics letters*, 7(3), 281-285.
6. Goddard J. et al. (2007). European banking: An overview. *Journal of banking & Finance*, 31(7), 1911-1935.
7. Kristina K. (2016). Market structure and banking sector performance. *Journal of Applied Economic Sciences*, 11, No. 4 (42).
8. Lartey T. & et al. (2023). Interbank market structure, bank conduct, and performance: Evidence from the UK. *Journal of Economic Behavior and Organization*, 210, 1-25.
9. Marfiels C. (1971). Absolute and Relative Measures of Concentration Reconsidered. *Kyklos*, 24(4), 753-766. <http://dx.doi.org/10.1111/j.1467-6435.1971.tb00631.x>
10. Maudos J. et al. (2002). Cost and profit efficiency in European banks. *Journal of International Financial Markets, Institutions and Money*, 12, 33-55.
11. Oyebola F. E. M & Zayyad A.B. (2020). Market structure, institutional quality and bank capital ratios: evidence from developing countries. *European Journal of Management and Business Economics*, 30(1), 92-107.
12. Silalahi T. et al. (2015). The market structure of the bank, its performance, and the macroprudential policy. *Bulletin of Monetary Economics and Banking*, 18(1).

Ngày nhận bài: 18/11/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 3/12/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 18/12/2023

Thông tin tác giả:

1. PGS.TS. VƯƠNG ĐỨC HOÀNG QUÂN¹

2. LÂM THỊ ANH ĐÀO^{2*}

¹Phó Viện trưởng Viện Khoa học An toàn và Vệ sinh lao động,
Giảng viên cao cấp, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

²Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Tài chính - Marketing

**Tác giả liên hệ: ltanhdao@gmail.com*

IMPACTS OF MARKET CONCENTRATION ON THE PERFORMANCE OF VIETNAMESE COMMERCIAL BANKS

● Assoc. Prof. PhD. **VUONG DUC HOANG QUAN¹**

● **LAM THI ANH DAO²**

¹ Vice President, Ho Chi Minh City Science

of Occupational Safety and Health Institute

Senior Lecturer, Ho Chi Minh City Open University

² Master's student, University of Finance - Marketing

ABSTRACT:

This study explored the impact of market concentration on the performance of Vietnamese commercial banks. The study's observation samples were collected from 26 Vietnamese commercial banks in the period 2009–2022, and the System GMM regression method was used to analyze the data. The return on assets (ROA) and the return on equity (ROE) were used to measure the performance of Vietnamese commercial banks. The study's results show that the level of market concentration based on the deposit market share, the lending market share, and the institutional quality positively impact the performance of Vietnamese commercial banks. Meanwhile, the level of market concentration based on the total asset market share negatively impacts the performance of Vietnamese commercial banks.

Keywords: market concentration level, performance, Vietnamese commercial banks.